

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thành Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành
phố B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà
Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B - tỉnh
Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1219/2022/TLST-
HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7
năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 340/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng
8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Thanh V**; Sinh năm: 1983

Địa chỉ thường trú: thôn Hải An, xã Q1, huyện Q2, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: **Ông Đậu Văn T**; Sinh năm: 1976

Địa chỉ thường trú: xã D1, huyện D2, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ tạm trú: Khu nhà ở công vụ Z751, đường số 6A, KP 7A, phường L,
thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà V có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V trình
bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đậu Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã D1, huyện D2, tỉnh Nghệ An và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01 ngày 28/10/2003.

Thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp, bất đồng quan điểm, không có hạnh phúc. Hai vợ chồng đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay bà nhận thấy tình trạng hôn nhân lâm vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bà không còn tình cảm với ông Thiệu nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông Đậu Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là cháu Đậu Thế A, sinh ngày 08/5/2003 và Đậu Như Q, sinh ngày 28/4/2009. Cháu Thế A đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như Q, không yêu cầu ông Thiệu cấp dưỡng nuôi con. Bà đang làm nhân viên mộc tại khu công nghiệp quốc phòng L, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng nên có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Đậu Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Thiệu.***

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà V, ông T không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà V yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà V và ông T có 02 con chung là cháu Đậu Thế A, sinh năm: 08/5/2003 và Đậu Như Qh, sinh năm: 28/4/2009. Cháu Thế A đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Giao con chung là Đậu Như Q, sinh năm: 28/04/2009 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông T nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà V phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu được ly hôn với ông Đậu Văn T và giải quyết vấn đề con chung. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; Bà Nguyễn Thị Thanh V là nguyên đơn, ông Đậu Văn T là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh V nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Đậu Văn T hiện đang tạm trú tại khu nhà ở công vụ Z751, đường số 6A, KP 7A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh V có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đậu Văn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V, ông Thiệu theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Đậu Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã D1, huyện D2, tỉnh Nghệ An và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01 ngày 28/10/2003 nên áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà V, thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp, bất đồng quan điểm, không có hạnh phúc. Hai vợ chồng đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay bà nhận thấy tình trạng hôn nhân lâm vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bà đã không còn tình cảm với ông T nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông Đậu Văn T.

Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông T đến Tòa làm việc nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông T không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà V. Qua kết quả xác minh tại nơi cư trú ngày 16/6/2022 thì địa phương không nắm rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà V và ông T, hai vợ chồng có hai người con chung.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà V, ông T là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V, giải quyết cho bà V được ly hôn với ông T để trả tự do cả hai là phù hợp.

[5] Về con chung: Bà V và ông T có hai con chung là cháu Đậu Thế A, sinh ngày 08/05/2003 và Đậu Như Q, sinh ngày 28/04/2009. Cháu Thế A đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như Q, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, ông T không đến Tòa làm việc nên không ghi nhận được ý kiến. Hiện nay bà V đang làm nhân viên mộc tại khu công nghiệp quốc phòng L, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng. Cháu Như Q là con gái, cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cháu Như Q cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Tạm thời, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Thế A đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông T nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[7] Về án phí: Bà V phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh V. Bà Nguyễn Thị Thanh V được ly hôn với ông Đậu Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đậu Như Q, sinh năm: 28/04/2009 cho bà Nguyễn Thị Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, tạm thời ông Đậu Văn T không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Đậu Thế A, sinh ngày 08/05/2003 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002399 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự TP. B;
- VKS TP B;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

Thành Thị Thu Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thành Thị Thu Trang